

Ma trận đề kiểm tra môn Toán giữa học kì I - lớp 5

Ma trận nội dung

Mạch kiến thức, kỹ năng	Số câu và số điểm	Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng	
		TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL
Số thập phân; đọc viết STP, so sánh xếp thứ tự các STP, viết hỗn số ra STP. Tính toán với các phép tính phân số, số thập phân	Số câu	2		1	2	2		1		6	2
	Số điểm	2,0		1,0	2,0	2,0		1,0		6,0	2,0
Đại lượng và đo đại lượng	Số câu			1						1	
	Số điểm			1,0						1,0	
Yếu tố hình học: chu vi, diện tích, các hình đã học	Số câu						1				1
	Số điểm						1,0				1,0
Tổng	Số câu	2		2	2	2	1	1		7	3
	Số điểm	2,0		2,0	2,0	2,0	1,0	1,0		7,0	3,0

Ma trận câu hỏi

TT	Chủ đề		Mức 1		Mức 2		Mức 3		Mức 4		Tổng
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	Số học	Số câu	2			2	2	1	1		08
		Câu số	1, 2			6,7	4,5	8	10		
2	Đại lượng và đo đại lượng	Số câu			1						01
		Câu số			3						
3	Yếu tố hình học	Số câu						01			01
		Câu số						9			1
Tổng số câu			2		1	2	2	2	1		10
Tổng số			02		03		04		1		10

ĐỀ KIỂM TRA ĐỊNH KÌ GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN - LỚP 5 NĂM HỌC 2022 - 2023
(Thời gian làm bài 60 phút)

Họ và tên học sinh:

Lớp : Trường Tiểu học

<i>Điểm</i>	<i>Nhận xét của giáo viên</i>
Bảng số:	
Bảng chữ:.....	
.....	

Khoanh vào chữ đặt trước kết quả đúng hoặc làm theo yêu cầu:

Bài 1.(1điểm) (M1): Viết chữ hoặc số thập phân thích hợp vào chỗ trống:

a/ Số 25,42 đọc:

b/ Số thập phân có 6 chục, hai trăm ba mươi tư phần nghìn viết là:.....

Bài 2.(1 điểm) (M1):

a) Số lớn nhất trong số 4,079 ; 4,097 ; 4,709 ; 4,907 là:

A. 4,079 B. 4,709 C. 4,907 D. 4,079

b) Số thập phân 2,35 viết dưới dạng hỗn số là:

A. $\frac{235}{100}$ B. $2\frac{35}{100}$ C. $23\frac{5}{10}$

Bài 3.(1 điểm) (M2): Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 5,04dam = m cm b) 75 kg = tấn

c) $8,25\text{ dm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$ d) $12\text{ m}^2\ 5\text{ cm}^2 = \dots\dots\dots \text{ m}^2$

Bài 4.(1 điểm) (M3):

a) Hai số tự nhiên liên tiếp thích hợp viết vào chỗ chấm ($\dots < 5,7 < \dots$) là:

A. 3 và 4 B. 4 và 5 C. 5 và 6 D. 6 và 8

b) Một đội công nhân trong 3 ngày đào được 180m mương. Trong 6 ngày đội công nhân đó đào được số mét mương là:

A. 60m B. 360m C. 180m D. 90m

Bài 5.(1 điểm) (M3): Trung bình mỗi năm nhà em ăn hết 1,8 tạ gạo. Hỏi trung bình mỗi tháng nhà em ăn hết bao nhiêu ki-lô-gam gạo ?

Trả lời : Trung bình mỗi tháng nhà em ăn hếtkg gạo .

Bài 6. (1 điểm) (M2): Tính giá trị biểu thức:

a) $\frac{3}{5} + \frac{1}{2} + \frac{3}{10}$

b) $279,62 + 15 - 28,3$

A full-page sheet of white graph paper. The page is covered by a uniform grid of small squares, formed by thin black horizontal and vertical lines. There are no margins, text, or other markings on the page.

Bài 7 .(1 điểm) (M2): Tìm X

a) $X - \frac{1}{5} = \frac{2}{3} : \frac{1}{2}$

$$\text{b) } \frac{4}{9} \times X = \frac{15}{27}$$

A full-page sheet of white graph paper featuring a uniform grid of small squares. The grid consists of 20 columns and 20 rows, creating a total of 400 small square units. A solid horizontal line runs across the middle of the page, separating the top half from the bottom half. The grid pattern continues uninterrupted above and below this central line.

Bài 8. (1điểm) (M3) : Mua 15 bộ đồ dùng học toán hết 450 000 đồng. Hỏi mua 30 bộ đồ dùng học toán như thế hết bao nhiêu tiền?

Bài giải

This is a full-page image of a blank sheet of graph paper. The page is covered by a uniform grid of small squares, formed by thin, light gray lines. There are no margins, text, or other markings on the paper.

HƯỚNG DẪN CHẤM KTĐK GIỮA HỌC KÌ I
MÔN TOÁN LỚP 5 NĂM HỌC 2022 - 2023

Câu	Đáp án	Biểu điểm
Câu 1(1đ)	a/Hai mươi lăm phẩy bốn mươi hai	0,5 đ
	b/ 60,234	0,5 đ
Câu 2(1đ)	a/ C	0,5 đ
	b/ B	0,5 đ
Câu 3(1 đ)	a/ 50m40cm	0,25 đ
	b/ 0,075tấn	0,25 đ
	c/ 0,0825m ²	0,25 đ
	d/ 12,0005 m ²	0,25 đ
Câu 4(1 đ)	a/ C	0,5 đ
	b/ B	0,5 đ
Câu 5(1 đ)	15kg	1đ
Câu 6(1 đ)	$\frac{14}{10}$	0,5 đ
	266,32	0,5 đ
Câu 7(1đ)	$X = \frac{23}{15}$	0,5 đ
	$X = \frac{5}{4}$	0,5 đ
Câu 8(1 đ)	Mua một bộ đồ dùng học toán hết: 450 000 : 15 = 30 000(đồng)	0,5đ
	Mua 30 bộ đồ dùng học toán hết: 30 000 x 30 = 900 000 (đồng)	0,5đ
Câu 9 (1 đ)	Chiều dài của thửa ruộng là: 60 : 3x5 = 100 (m)	0,25 đ
	a) Diện tích của mảnh vườn là: 60 x 100 = 6000 (m ²)	0,25 đ
	b) Số thóc thu được trên thửa ruộng đó là: 6000 : 100 x65 = 3900 (kg) 3900kg = 3,9 tấn	0,25 đ
	Đáp số : a) 6000 m ² b) 3,9 tấn (0,25 điểm)	0,25 đ
Câu 10 (1đ)	32 chuyển	1đ

*** Lưu ý :** - Mọi cách giải đúng đều cho điểm tối đa.

- Điểm làm tròn toàn bài: Từ 0,5 trở lên thành 1; Dưới 0,5 thành 0